

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 17 - 7 - 2024  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hải.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Bà Vũ Thị Xuyến.
  2. Ông Thái Quang Định.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thắng -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Vũ Quang Đ, sinh năm 1973.  
Địa chỉ: tổ 3, khu 5A, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- Bị đơn: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977.  
Địa chỉ: tổ 3, khu 5A, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Quang Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Vũ Quang Đ và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 14 tháng 01 năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, chị L không tôn trọng anh Đ. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia

đình khuyên can nhắc nhở nhưng vợ chồng không khắc phục được. Anh Đ và chị L sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh Đoàn xác định không còn tình cảm và không thể duy trì quan hệ hôn nhân với chị L nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: anh Đ và chị L có 02 con chung là Vũ Tiến Đ, sinh ngày 16/11/1999 và Vũ Thị Minh T, sinh ngày 20/7/2007. Nếu ly hôn, anh Đ đề nghị Tòa án giao con chung Vũ Thị Minh T cho chị L trực tiếp nuôi, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Vũ Tiến Đ đã thành niên và phát triển bình thường nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 6 năm 2024, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về sự kiện kết hôn như anh Đ trình bày và hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng cãi nhau khiến gia đình căng thẳng. Mâu thuẫn đã được gia đình hoà giải nhưng vợ chồng không khắc phục được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay anh Đ có đơn xin ly hôn với chị L, chị L đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn

- Về con chung: anh Đ và chị L có 02 con chung như anh Đ trình bày. Nếu ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao con chung Vũ Thị Minh T cho chị L trực tiếp nuôi, chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Vũ Tiến Đ đã thành niên và phát triển bình thường nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L có ý kiến xin được vắng mặt tại các buổi làm việc với Tòa án, xin được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, xin được vắng mặt tại phiên toà sơ thẩm và đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị L.

Tại văn bản trình bày nguyện vọng ngày 13/6/2024, cháu Vũ Thị Minh Th là con chung của anh Đ và chị L có ý kiến: Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu được ly hôn thì nguyện vọng của cháu T muốn ở với mẹ là bà Nguyễn Thị L.

Tại biên bản xác minh ngày 14 tháng 6 năm 2024, đại diện chính quyền khu 5A, phường Vàng Danh cung cấp thông tin không nắm được mâu thuẫn vợ chồng của anh Đoàn và chị L, chính quyền khu chỉ biết hiện nay anh Đ và chị L không sống chung với nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn đã được tiếp cận và không có ý kiến gì, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc với Tòa án.

Tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 10 tháng 7 năm 2024, nguyên đơn anh Vũ Quang Đ giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với chị L, đề nghị Tòa án giao con chung Vũ Thị Minh T cho chị L trực tiếp nuôi và anh Đ không phải cấp

dưỡng nuôi con chung, con chung Vũ Tiến Đ đã thành niên và phát triển bình thường nên không đề nghị Toà án giải quyết, về tài sản chung: anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định khi thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp và tư cách của những người tham gia tố tụng. Các hoạt động xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo quy định. Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt văn bản cho đương sự, giao tài liệu, quyết định, hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời hạn. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng và đầy đủ quy định về pháp luật tố tụng dân sự khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã cơ bản thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh Đ và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 14/01/2000 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Uông Bí. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, gia đình căng thẳng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không đạt được kết quả. Anh Đ và chị L đã ly thân từ tháng 10/2022. Nay anh Đ thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với chị L và chị L có quan điểm đồng ý ly hôn với anh Đ nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Tiến Đ, sinh ngày 16/11/1999 và cháu Vũ Thị Minh T, sinh ngày 20/7/2007. Đề nghị giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Vũ Tiến Đ đã thành niên và phát triển bình thường nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa các đương sự, bị đơn có địa chỉ tại thành phố Uông Bí và nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án thành phố Uông Bí là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Vũ Quang Đ và bị đơn chị Nguyễn Thị L đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản

1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

## **[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** anh Vũ Quang Đ và chị Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của đương sự và biên bản xác minh của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác, Hội đồng xét xử nhận định nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Đ và chị L là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, từ những nguyên nhân này là cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đỉnh điểm dẫn đến hai người đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay và không còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống của người đó, đồng thời các đương sự đều không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh Đ và chị L đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng anh Đ và chị L đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ với chị L là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

## **[2.2] Về con chung:**

Các đương sự có 02 con chung là Vũ Tiến Đ, sinh ngày 16/11/1999 và Vũ Thị Minh T, sinh ngày 20/7/2007, các đương sự đều có quan điểm nếu ly hôn giao con chung cho Vũ Thị Minh T cho chị L trực tiếp nuôi, sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu T, vì vậy Hội đồng xét xử giao con chung Vũ Thị Minh T cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của đương sự đối với con chung theo quy định của pháp luật. Đối với con chung Vũ Tiến Đ đã thành niên và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

## **[2.3] Về tài sản chung:**

Anh Vũ Quang Đ và chị Nguyễn Thị L đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

**[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Nguyên đơn anh Vũ Quang Đ phải nộp theo quy định.

**[3] Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

## **Vì các lẽ trên**

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của anh Vũ Quang Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Vũ Quang Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về nuôi con chung: giao con chung Vũ Thị Minh T, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Vũ Quang Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Con chung Vũ Tiến Đ, sinh ngày 16/11/1999 đã thành niên và phát triển bình thường nên không giải quyết.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh Vũ Quang Đ phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm (anh Đ được trừ án phí bằng tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000<sup>d</sup> theo biên lai thu số 0002639 ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh). Anh Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ân xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn anh Vũ Quang Đ và bị đơn chị Nguyễn Thị L, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường V, TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (nơi ĐKKH);
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án; VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Hải**

